TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 110/2023/DS-ST
Ngày 05-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Láth

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Gia An, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Âu Hoàng Mến – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Trần Đại H**, sinh năm 1973 - chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M. Địa chỉ: Số C khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Trần Diễm M1**, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số C khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: 1. Ông **Võ Minh T**, sinh năm 1974 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bà **Phùng Thị Hồng N**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm K, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2022 của nguyên đơn ông* Trần Đại H, *trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/8/2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:**

Ngày 22/8/2020, ông Trần Đại H – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M có giao dịch mua bán thức ăn, thuốc thủy sản cho vợ chồng ông Võ Minh T, bà Phùng Thị Hồng N thông qua hợp đồng mua bán bằng văn bản, hợp đồng có thời hạn 01 năm kể từ ngày ký. Theo thỏa thuận, ông H sẽ cung cấp thức ăn và thuốc thủy sản cho vợ chồng ông T, bà N. Đơn giá được thông báo trực tiếp cho vợ chồng ông T, bà N trên từng loại hàng theo đơn hàng và được xác nhận theo từng thời điểm và được ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Hàng hóa được vợ chồng ông T, bà N đến lấy hoặc người nhà của ông T đến lấy hàng tại cửa hàng của ông H. Khi lấy hàng, vợ chồng ông T, bà N có kiểm tra và ký tên vào sổ nhận hàng. Về phương thức thanh toán thì sau khi thu hoạch tôm hoặc cuối vụ tôm thì phải thanh toán dứt điểm tiền nợ. Trường hợp khi thu hoạch tôm không thanh toán hoặc thanh toán không đủ tiền nợ thì ông H có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu vợ chồng ông T, bà N thanh toán toàn bộ tiền nợ.

Trong quá trình giao dịch, ông H đã giao hàng đúng thỏa thuận, nhưng vợ chồng ông T, bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng như thỏa thuận mà hai bên đã cam kết. Ông H đã nhiều lần liên hệ vợ chồng ông T, bà N để yêu cầu thanh toán nợ, nhưng ông T, bà N hứa hẹn nhiều lần mà không thực hiện việc trả nợ. Tính đến thời điểm hiện nay, vợ chồng ông T, bà N còn nợ ông H tổng số tiền là 220.868.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng*).

Nay, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Minh T và bà Phùng Thị Hồng N liên đới thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho ông Trần Đại H là 220.868.000 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/8/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Võ Minh T trình bày:

Trước đây, vào khoảng năm 2014, ông T và vợ của ông là bà Phùng Thị Hồng N có mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản với ông Trần Đại H (chủ hộ kinh doanh Tân Quang M). Theo thỏa thuận ông H cung cấp cho vợ chồng ông các sản phẩm như: thức ăn, thuốc và hóa chất mang nhãn hiệu Việt Hoa phục vụ nuôi trồng thủy sản. Về phương thức thanh toán, hai bên thoả thuận sau khi thu hoạch tôm thì phải thanh toán dứt điểm tiền nợ.

Vợ chồng ông thống nhất tính đến thời điệm hiện tại, vợ chồng ông còn nợ ông H số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 220.868.000 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Tuy nhiên, số tiền trên không phải là vợ chồng ông thiếu một lần, mà qua mỗi vụ thu tôm, vợ chồng ông có thanh toán cho ông H một phần, phần còn lại thì vợ chồng ông nợ lại.

Hiện nay, do hoàn cảnh khó khăn, nuôi tôm thất nhiều vụ nên vợ chồng ông không có khả năng trả dứt điểm số nợ trên một lần. Về phương án trả nợ, khi nào có tiền thì vợ chồng ông sẽ trả số nợ trên cho ông H.

Đối với bị đơn bà Phùng Thị Hồng N (vợ của ông Võ Minh T), Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Tòa án đã triệu tập hai lần đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bà N không có văn bản nêu ý kiến và đều vắng mặt các lần Tòa án triệu tập nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn và bị đơn ông T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn bà N (vợ ông T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn vợ chồng ông Võ Minh T, bà Phùng Thị Hồng N liên đới trả số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm còn thiếu cho nguyên đơn với số tiền là 220.868.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào đơn khởi kiện, đơn xin xét xử vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, bị đơn ông Võ Minh T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn có địa chỉ tại khóm K, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, bị đơn ông Võ Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với bị đơn bà Phùng Thị Hồng N (vợ ông T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà N vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a và điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án: Trong năm 2020, ông Trần Đại H – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M có thỏa thuận và cung cấp thức ăn, thuốc thủy sản cho vợ chồng ông Võ Minh T, bà Phùng Thị Hồng N. Khi kết toán lại, vợ chồng ông T, bà N còn nợ ông H số tiền 220.868.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/8/2023, ông T thừa nhận vợ chồng ông còn nợ ông H số tiền nêu trên. Do đó, đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh, được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Sau khi đối chiếu công nợ vào ngày 26/7/2022, vợ chồng ông Võ Minh T, bà Phùng Thị Hồng N còn nợ ông Trần Đại H số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 220.868.000 đồng. Sau thời điểm nêu trên, ông H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T, bà N thanh toán nợ nhưng đến nay ông T, bà N vẫn chưa thanh toán cho ông H là vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với hợp đồng mua bán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Từ những cơ sở phân tích nêu trên tại các mục số [4] và [5], Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn ông Trần Đại H - chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M yêu cầu Tòa án buộc bị đơn vợ chồng ông Võ Minh T, bà Phùng Thị Hồng N liên đới thanh toán số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn thiếu 220.868.000 đồng là có cơ sở chấp nhận và cần buộc vợ chồng ông T, bà N liên đới thanh toán số tiền nêu trên cho ông H là đúng với quy định của pháp luật.

[7] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng vợ chồng ông T, bà N phải liên đới trả lãi cho ông H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Xét lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H - Hộ kinh doanh T1, về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Võ Minh T, bà Phùng Thị Hồng N liên đới trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn thiếu là 220.868.000 đồng.

Buộc bị đơn vợ chồng ông Võ Minh T, bà Phùng Thị Hồng N liên đới thanh toán số tiền 220.868.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng*) cho ông Trần Đại H – chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H – chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng vợ chồng ông Võ Minh T, bà Phùng Thị Hồng N phải liên đới trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn vợ chồng ông Võ Minh T, bà Phùng Thị Hồng N phải liên đới chịu số tiền 11.043.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn ông Trần Đại H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.521.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007810 ngày 07/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Đặng Văn Đua